

CHƯƠNG 1

Ba mươi bảy năm sau nhìn lại.

Ba mươi bảy năm đã trôi qua từ ngày đảo chánh thất bại. Biết bao nhiêu nước đã chảy dưới cầu. Biết bao nhiêu thảm kịch đã đến với những gia đình Việt Nam, ở bên này hay bên kia vĩ tuyến, trong thời gian chiến tranh, trong di tản và ngay cả trong lúc đã định cư. Niềm bất hạnh bao trùm lên dân tộc như những khối đá của hòn núi sứt đổ sau cơn mưa lũ. Có lúc tôi tự hỏi sau những năm chiến tranh khốc liệt giữa người Việt với người Việt thì dân Việt có còn sức phục hồi lại được không? Hay là bao nhiêu sinh lực đã bị thù hận làm tiêu hao hết cả rồi.

Trong khi đất nước còn ở trong tình trạng dầu sôi lửa bỏng, tôi đã im lặng không giải thích về hai nghi vấn mà mọi người đều có trong tâm trí : Cuộc biến động chính trị quan trọng này có bàn tay của ngoại quốc (Mỹ hay Pháp) không ? Ai là người tổ chức và lãnh đạo cuộc binh biến này : Nguyễn Chánh Thi hay Vương văn Đông ? Tuy cuộc đảo chánh đã thất bại, nhưng đem lại sự thật của người trong cuộc sẽ giúp cho người viết sử sau này có một dữ kiện chính xác hơn về biến động chính trị này. Đối với câu hỏi thứ hai, cho tới nay , tôi im lặng vì thấy việc đi tìm một hư danh vừa vô ích, vừa không xứng đáng trong lúc đất nước còn đầy rẫy thảm kịch và còn bao nhiêu việc hữu ích phải làm.

Khi viết về biến cố này cách đây 30 năm, lúc đó tôi tự hỏi là sông Bến Hải không hiểu có thể như dòng sông Gianh trước đây đã phân chia đất nước trên hai thế kỷ. Nhưng sông Bến Hải chỉ phân chia Nam Bắc trong vòng hai mươi năm. Tuy vậy, hòa bình và thống nhất vẫn không đem lại được cho người dân Việt những ước mong chính đáng. Ngược lại chánh quyền mới không những không đáp ứng được mà còn đập tan cả mơ ước về tương lai của họ.

Thời gian đi quá nhanh. Những biến chuyển về mọi mặt trong cuối thế kỷ thứ hai mươi không còn là hàng năm nữa mà là hàng tháng, hàng ngày. Những việc đúng hôm nay có thể mai đã sai rồi. Tôi cảm thấy bất lực trước những biến chuyển của đất nước khi còn ở tình trạng lưu vong, phải vật lộn với cuộc sống, lúc nào cũng thấy không còn đủ thời gian để thực hiện những mong ước thừa thiếu thời.

Nhìn lại công việc làm đã qua, tôi không có một hối tiếc và cho sự thất bại của cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960 là một bài học lớn cho bản thân. Thất bại giúp cho nhìn rõ tâm địa con người và thấy được tinh thần của một người làm loạn trước sự việc cần được trang bị bởi một tâm hồn đầy nghị lực, khác hẳn tinh thần khi còn ở trong tình trạng đối lập. Thất bại cũng cho thấy tính chủ quan là nguyên nhân của thất bại. Ngoài ra, nó cũng cho thấy giới hạn của những đường lối chánh trị và những gò bó, câu thúc giữa lý thuyết và thực hành. Hơn nữa, qua thất bại cá nhân, tôi muốn tìm xem những thất bại của nhiều thế hệ những người quốc gia hay không cộng sản có cùng một nguyên nhân, trong công cuộc tranh đấu giành độc lập hoặc thiết lập một chế độ dân chủ, mặc dầu bản danh sách những người đã hy sinh hay tù đầy không phải không dài.

Suy nghĩ về cuộc đảo chánh, tôi thấy nhược điểm và khó khăn của một hành động như vậy nằm trong vấn đề nhân sự. Trừ một thiểu số là những người bạn tâm giao đã chia sẻ một lý tưởng từ lâu, phần lớn khi được kết nạp đều dựa trên tiêu chuẩn chống đối chế độ nhưng không biết đằng sau họ là ai. Có thể họ là những người của các đảng phái quốc gia, nhưng không có điều kiện và khả năng quy tụ cán bộ quân đội

nên nhận cộng tác để sau đó đưa đảng phái của họ vào lãnh đạo khi đã thành công. Nhưng trong giai đoạn tổ chức, những người trách nhiệm vì vấn đề bảo mật và thời gian giới hạn đã không có khả năng đi sâu vào lý lịch từng cá nhân của tổ chức. Một vấn đề phức tạp nữa là những nhân vật tham gia khi cuộc đảo chánh đã khởi sự. Họ vì thật tâm hưởng ứng, hay vì một mục đích khác? Vì vậy, khó khăn và quan trọng hơn nữa là khả năng chế ngự tình hình trong thời gian đảo chánh cũng như sau đó nếu thành công.

Có sự khuyến khích của các thế lực ngoại quốc không?

Mỗi khi nói tới biến cố 11-11-1960, phần lớn mọi người đều cho là có bàn tay của Hoa Kỳ hoặc Pháp nhúng vào. Điều đó cũng dễ hiểu. Bề ngoài thường không phải là sự thật. Khách bàng quan cũng như chánh quyền lúc đó chỉ thấy trong hai ngày của cuộc đảo chánh, luôn luôn có mặt của hai nhân vật Mỹ tại bộ chỉ huy cuộc đảo chánh. Đồng thời trong ngày 11 - 11 - 60, chắc chắn qua báo cáo, ông Diệm và ông Nhu được biết tới ra vào nhà tướng Mc Garr, Trưởng ban Cố vấn quân sự MAGGV và từ đó qua điện thoại bắt đầu thương thuyết với ông Diệm với sự hiện diện của ông Võ Hải, Thư Ký riêng của ông Diệm. (Trường hợp hai nhân vật Hoa Kỳ này sẽ được đề cập sau) Cũng có người đặt câu hỏi là đảo chánh mà không tìm sự đồng ý hoặc giúp đỡ của các cường quốc thì sao thành công được. Tôi nghĩ rằng số đông những người sống trong vùng quốc gia không thể quan niệm được là có những người Việt Nam muốn hành động để thay đổi đường lối và chế độ mà không tính tới việc đi tìm sự giúp đỡ của ngoại quốc. Có lẽ đó là tâm trạng tự ti mặc cảm của một dân tộc luôn bị lệ thuộc. Để đáp lại những câu hỏi trên, không gì hơn là lần lượt xét lại những phản ứng, những lời tuyên bố của giới cầm quyền, từ Việt Nam đến Pháp và Hoa Kỳ.

Ngay sau cuộc đảo chánh thất bại, trong cuộc họp báo, Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống Nguyễn Đình Thuần đã trả lời báo Tiếng Chuông ngày 17-11-60 như sau: " Hỏi: Có ngoại quốc nào nhúng tay vào cuộc âm mưu đảo chánh này không? Đáp: Theo chỗ chúng tôi biết thì không có một chánh phủ nào nhúng tay vào cuộc đảo chánh này cả. ' Và trong phiên toà ngày 5-7-1963 ở toà án Quân Sự Mật trận, phân tích danh từ " an ninh quốc ngoại " luật sư của các bị cáo quả quyết là trong hồ sơ không hề thấy có sự liên hệ ngoại bang hoặc có ảnh hưởng của cộng sản. (Trích cuốn Biến cố 11-11-60 của Trần Tường). Đây là phía Việt Nam.

Về phía Pháp thì đại sứ Pháp Roger Lalouette, sau ngày đảo chính thất bại, được cố vấn Ngô Đình Nhu tiếp kiến và cho biết Chánh Quyền Việt Nam không nghi ngờ Pháp đã nhúng tay vào vụ này. Lalouette đã hồ hởi gửi mật thư số 1259/AS, nay đã được bạch hoá, về cho bộ trưởng ngoại giao Couve de Murville trong đó có đoạn: " ... theo ông Nhu thì không còn nghi ngờ gì nữa là có vài cơ quan của Hoa Kỳ nhúng tay vào vụ 11-11-1960... Các nhà lãnh đạo Việt Nam nhấn mạnh là hoàn toàn không có sự ngờ vực gì đối với ta (Pháp)... Thái độ này thuận lợi cho việc bảo tồn quyền lợi của ta trong hoàn cảnh hiện nay, trái với tình trạng căng thẳng đối với những người đại diện của Hoa Kỳ..."

Nguyên văn : "*Les dirigeants vietnamiens soulignent en revanche, que notre pays est exempt de tout soupçon. Quelle que soit la portée d'une telle prise de position, elle est favorable à la sauvegarde de nos intérêts dans la conjoncture actuelle et*

contraste avec la nervosité qui prévaut contre les représentants des Etats Unis et qui gêne, en particulier, les instructeurs américains dans la poursuite de leur mission..."

Một nước Pháp vẫn tự hào là quốc gia tôn trọng những công ước quốc tế, trong đó có công ước Genève về quyền tỵ nạn chính trị, đã không ngần ngại trục xuất một người tỵ nạn chính trị, đang bị đưa ra xử trước Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt, để duy trì những gì còn sót lại từ một thời quá khứ. Do áp lực của chánh quyền Sài Gòn và muốn bảo vệ quyền lợi của Pháp ở Việt Nam như Roger Lalouette nêu lên ở đoạn trên, Chánh phủ Pháp đã ra nghị định trục xuất tôi, sau khi tôi được tỵ nạn ở Pháp do sự can thiệp của Cao Ủy Tỵ Nạn / Liên Hiệp Quốc. Tới Paris hồi đầu tháng 4-1963, đến giữa tháng 7-1963 thì tôi nhận được nghị định trục xuất ngày 29-6-1963. Cảnh sát Pháp tức thời thu hồi thẻ trú ngụ và yêu cầu ra khỏi nước Pháp ngày hôm sau. Đó cũng là thời gian Phật Giáo đang tranh đấu sôi nổi và vụ 11-11-60 vừa được đem ra xử. Qua một người quen ở trong chánh quyền Pháp cho biết, Chánh phủ Sài Gòn đe dọa Paris nếu không trục xuất tôi thì sẽ có những hậu quả đối với quyền lợi kinh tế của Pháp ở Việt Nam, đặc biệt đối với vấn đề các đồn điền cao su. Áp lực đó không ngoài mục đích ngăn chặn không để tôi có thể hoạt động ở Paris, tố cáo trước dư luận quốc tế về hai sự việc nói trên. Vụ án binh biến 11-11-1960 đã chấm dứt với 9 án tử hình khiếm diện, tịch thu toàn thể tài sản, 6 án khổ sai từ 10 đến 18 năm, 7 án cấm cố từ 5 đến 7 năm cho những quân nhân, 20 án cấm cố từ 5 đến 8 năm cho những nhân vật dân sự đối lập khác.

Có lẽ để làm vừa lòng Hoa Kỳ, Bộ Ngoại Giao Pháp đã thông báo cho Toà Đại sứ Hoa Kỳ ở Paris biết về quyết định trên. Công điện mật của toà đại sứ Hoa Kỳ tại Paris gửi về bộ ngoại giao ở Hoa Thịnh Đốn nội dung như sau: "... N120, 8 tháng 7, 16 giờ chiều - Trong cuộc điện đàm với Burke, Brethes mật tin cho chúng tôi biết là chánh phủ Pháp đã quyết định trục xuất Vương văn Đông, người lãnh đạo cuộc đảo chánh tháng 11, cùng với hai người đối lập khác. Ở đây chưa chính thức công bố nhưng đại sứ Pháp ở Sài Gòn được lệnh thông báo cho chính phủ Việt Nam biết. Brethes cho biết là ông ta không rõ Vương sẽ bị trục xuất đi đâu. Ký tên Bohlen". (Nguyên văn trích trong *Foreign Relations of the US - Volume 1 - 1958 - 1960 - Department of State - Washington: " Department of State - Confidential - Control 6130 - Rec'd July 8, 1963 - 7:16 p.m. From: Paris To: Secretary of State No: 120, July 8, 6 p.m. Action Department 120, Information Saigon 2, Phnom Penh 3. During courtesy call Burke, Brethes (Indochina) informed us in strictest confidence that GOF has taken decision expel Vương Văn Đông (military leader November 1960 coup attempt) plus two other dissidents. No public mention yet made here but French Embassy at Saigon being authorized inform GVN. Brethes said he did not know where Vương would be sent. Bohlen."*)

Hai người đối lập nói trong mật điện trên có thể là Phó Quốc Chụ và Phan Phụng Tiên. Vì khi nhờ Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ can thiệp, tôi có ghi luôn cả trường hợp hai người bạn này. Nhưng vì gia đình của họ sang được Nam Vang nên họ đều ở lại Nam Vang làm ăn cho tới khi chế độ Nhân Vị đổ. Trong một buổi tập hợp của người Việt trước Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Paris vào khoảng tháng 9-1963 để phản kháng chế độ Nhân Vị đang đàn áp Phật giáo tại Việt Nam và đưa kháng nghị yêu cầu Hoa Kỳ phải can thiệp với chánh quyền Việt Nam chấm dứt hành động đàn áp Phật giáo, viên tham vụ Hoa Kỳ khi thấy tôi cùng giáo sư Nguyễn Ngọc Huy vào đưa kháng nghị đã ngạc nhiên hỏi là tôi từ ở đâu về Paris. Tôi im lặng không trả lời ông ta.

Còn thái độ của Hoa Kỳ đối với cuộc đảo chánh ra sao thì chỉ cần xem những mật điện trao đổi giữa bộ ngoại giao Hoa Kỳ và Đại Sứ Durbrow hoặc giữa Trưởng Phái Bộ Quân Sự Hoa Kỳ với Tổng Tư Lệnh Hoa Kỳ Thái Bình Dương là đủ dữ kiện để biết là Hoa Kỳ có trách nhiệm gì không trong biến cố đó. Sau khi được báo cáo có đảo chánh, Bộ ngoại giao Hoa Kỳ đã điện cho Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn như sau: *"...Điện tín. Bộ Ngoại Giao cho Đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam. Hoa Thịnh Đốn, 11-11-1960- 12giờ 47. 770 - Parsons gửi Durbrow... Rất lo ngại về biến chuyển của tình hình. Hài lòng về việc báo cáo nhanh chóng. Trong lúc khó có thể phân tích thời cuộc, cần thiết là phải làm mọi cố gắng để giữ tình trạng hợp pháp, chú tâm đến dư luận Việt Nam và quốc tế ... Do những đóng góp to lớn cho đất nước của ông ta và cho lý tưởng tự do, chúng tôi hy vọng trong giờ phút khó khăn này, Tổng Thống Diệm và gia đình được đối xử với tất cả sự tôn trọng."* Ký tên Herter.

Trong cuộc phỏng vấn bởi các nhân viên của Ban lịch sử Bộ ngoại giao ngày 27-12-1983, Mendenhall, cố vấn chính trị của toà đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn trả lời là: *"... Durbrow sững sốt và nhận định rằng cuộc đảo chánh là một sự kiện hết sức bất ngờ"*. Mendenhall tiếp theo: *"...Tất cả những tin tức thu lượm được về cuộc đảo chánh chứng tỏ rõ ràng là biến cố đó không liên quan gì đến hoạt động của Việt cộng"*. Mendenhall đề nghị toà Đại sứ HK phải giữ thái độ trung lập trong vụ này.

Cũng trong cuộc phỏng vấn bởi cơ quan nói trên ngày 2-4-1984 và 4-5-1984, Durbrow tuyên bố là ông ta không được biết trước âm mưu đảo chánh và chắc chắn là không ủng hộ công cuộc đó. Trả lời việc ông Võ Văn Hải yêu cầu Durbrow điện thoại để thuyết phục tổng thống Diệm từ chức với đảm bảo được đưa ra ngoại quốc, ông Durbrow nói ông đã trả lời ông Hải là: *"...không phải việc của ông bảo cho tôi phải nói gì với ông Diệm và, tôi sẽ không làm việc ông yêu cầu. Tôi sẽ ủng hộ ông Diệm..v..v. Được hỏi là toà đại sứ Hoa Kỳ, trong thời gian đảo chánh, có hoàn toàn ủng hộ ông Diệm không, hay giữ thái độ trung lập hoặc ủng hộ phe nổi loạn thì Durbrow trả lời: "...bất cứ cuộc nổi loạn nào theo tôi đều không có lợi gì cho Việt Nam..."*

Đây là thái độ về mặt ngoại giao của chánh phủ, tóm lại là lập trường chính thức của Hoa Kỳ. Cuộc điện đàm giữa ông Irwin, phụ tá Bộ quốc phòng trách nhiệm An ninh quốc tế với ông Merchant, thứ trưởng ngoại giao trách nhiệm những vấn đề chánh trị, ngày 11-11-60 hồi 2 giờ 15 sáng, chứng tỏ họ bối rối vì bất ngờ nên đồng ý về đường lối ông Durbrow đã thi hành. Trả lời Irwin, Merchant nói cái chính là không phe nào có lợi trong cuộc nội chiến, trừ cộng sản và, bất cứ hành động nào làm sỉ nhục hay hạ thấp một người có tầm vóc như ông Diệm đều không giúp ích gì được cả. □ Ý kiến trên nói rõ thái độ của những người trách nhiệm cao cấp trong chánh quyền Hoa Kỳ.

Về phía phái bộ MAAG cũng như Ngũ Giác Đài thì thái độ là nhiệt thành ủng hộ chánh quyền ông Diệm (theo như ông Steeves, Phụ tá bộ trưởng ngoại giao trách nhiệm về Viễn Đông, trong thư gửi ông Durbrow ngày 20-12-1960; sđd) và nhìn cuộc đảo chánh không mấy thiện cảm. Do đó, sau khi được ông Diệm gọi vào tiếp kiến ngày 17-11-60, Tướng Mc Garr, Trưởng ban Cố vấn quân sự Hoa Kỳ đã làm phiếu trình cho ông Durbrow như sau: *"... Tổng Thống Diệm nhắc với tôi là ông ta chán ngấy thái độ của thế giới tự do trong thời gian xảy ra cuộc đảo chánh; và sự an ủi duy nhất của ông ta là sự ủng hộ liên tục của Phái bộ quân sự (MAAG). Ông ta đặc biệt yêu cầu tôi báo cáo lại là ông ta trước đây đã được sự ủng hộ của tướng O'Daniel, sau đó là tướng William và bây giờ là tôi. "*

Trong giác thư về nội dung cuộc thảo luận của buổi họp giữa bộ ngoại giao và các tham mưu trưởng quân đội Hoa Kỳ, tại Ngũ Giác Đài, ngày 18-11 hồi 11 giờ 30 sáng, tướng Lemnitzer tỏ bày sự bối rối của ông ta về nội dung các điện văn gửi từ Sài Gòn trong thời gian cuộc nổi loạn, đặc biệt về những dấu hiệu là ông đại sứ muốn thúc đẩy ông Diệm cho ngừng chiến đấu. Vấn đề quan trọng nhất là thái độ của ông đại sứ về chuyện "đổ máu". Tướng Lemnitzer nói: "*Chúng ta ai cũng muốn chống sự đổ máu nhưng khi chúng ta có các lực lượng nổi dậy chống ta thì ta phải hành động mạnh mẽ chứ không phải là ngăn cản các bạn ta.*" Ông ta nói tiếp là năm 1954 không một ai bỏ ra một xu nhỏ để đánh cuộc là Việt Nam sẽ có cơ may giữ được tự do và đứng trong hàng ngũ của Tây phương. Vì vậy nên ông ta ngạc nhiên về sự đứng ra "can thiệp hoà giải" của ông Đại sứ. (*General Lemnitzer said he had been disturb by the implication in Ambassador Durbrow's messages from Sài Gòn during the recent rebellion, particularly the indications that the Ambassador wish to encourage Diem to stop the fighting. The most important question was that of the Ambassador's attitude toward "bloodshed". General Lemnitzer said, "We are against bloodshed as much as anyone but when you have rebellious forces against you you have to act forcibly and not restrain your friends [...] In 1954 no one would have given a plugged nickel for Vietnam's chances of remaining free and on side of the West. It was this that caused him to be amazed at the Ambassador's "good offices" offer.*)

Qua ý kiến trên thì thấy vấn đề tiết kiệm máu và sinh mạng người Việt không quan trọng mấy đối với ông tướng Hoa Kỳ, tổng tham mưu trưởng Liên Quân, miễn là còn đủ để đánh cộng sản. Vì vậy nên "*Ngũ Giác Đài nồng nhiệt ủng hộ Diệm*" theo như thư của ông Steeves, phụ tá bộ trưởng ngoại giao phụ trách vấn đề Viễn Đông gửi cho ông Durbrow ngày 20-12-1960. Nhưng khi ông Diệm có manh nha tiếp xúc với miền Bắc để giải quyết vấn đề Việt Nam, cốt sao cả hai chế độ độc tài đều được tồn tại, thì Hoa Kỳ không ngần ngại xúi dục các tướng lãnh Việt Nam tổ chức đảo chánh. Điều đáng để tâm là phần lớn những khuôn mặt đứng lên lật đổ chế độ Nhân Vị ngày 1-11-1963 lại là những người đã mang ơn ông Diệm và nhờ chế độ mới có một thời mũ áo xanh xang. Do sự nhầm lẫn trong việc dùng người, quy tụ chung quanh phần lớn những thành phần xu thời, tìm sự xu nịnh hơn khả năng hay sự thật nên chánh sách đó đã đưa ông Diệm và gia đình vào tử lộ.

Cuối cùng cũng nên nói qua về ý kiến của ông Colby, trưởng ban Trung ương tình báo Hoa Kỳ tại Sài Gòn, (CIA) trình bày trong cuộc phỏng vấn ngày 6-1-1984, bởi sử gia của Bộ Ngoại Giao về sự có mặt của hai nhân viên CIA bên cạnh những lãnh tụ cuộc đảo chánh trong hai ngày. Nhiệm vụ của hai nhân vật này theo ông Colby thì không ngoài lý do lấy tin tức, theo dõi tình hình. "*Trong đầu óc tôi cũng như trong cuộc nói chuyện với người cộng sự, tôi tin chắc là đã để ông ta hiểu rõ ràng rằng chúng tôi không ủng hộ, không dính líu gì vào việc này, đó là đường lối của chúng tôi và yêu cầu ông ta chuyển lại một cách trung thực cho những người nổi dậy. Nói không dính líu gì, ý tôi muốn nói đây là đường lối của ông đại sứ. Chúng tôi không ủng hộ chánh phủ chống họ, và cũng không ủng hộ họ chống chính phủ". "Chúng tôi cũng như chánh phủ Hoa Kỳ không có dính líu gì vào vụ đảo chánh này". (Nguyên văn:"This isn't our coup and this isn't our government"). Hai nhân vật Hoa Kỳ này tôi cũng chưa hề tiếp chuyện trong hai ngày 11 và 12-11-1960 vì bận giải quyết những chuyện quan trọng khác Theo Đại Tá Nguyễn Huy Lợi, lúc đó còn mang quân hàm Thiếu Tá, sáng ngày 11-11-60 thì trong buổi sáng ngày 11-11-60, có hai nhân vật Hoa Kỳ đến Bộ Chỉ Huy cuộc đảo chánh ở*

trong Bộ Tổng Tham Mưu xin được gặp tôi và tự giới thiệu là người của CIA được chỉ định đến để theo dõi tình hình. Vì không có sự hiện diện của tôi tại đó, nên hai nhân viên này trực tiếp liên lạc với Thiếu Tá Lợi trong suốt hai ngày 11 và 12-11. Họ cũng thông báo cho Lợi biết những di chuyển của các đơn vị kéo về cứu giá cho ông Diệm. Một cách khách quan mà nói thì có thể đánh giá là họ có cảm tình với cuộc đảo chánh.

Trong cuốn *South Vietnam, Nation Under Stress* của Robert G. Scigliano, có thời làm cố vấn Hoa Kỳ tại Sài Gòn, có vài dòng như sau: "*Cuộc đảo chánh 11-11-1960, được âm mưu bởi một nhóm ít người, dẫn đầu bởi Luật sư Hoàng cơ Thụy, Trung tá Nguyễn Triệu Hồng, cháu của Thụy, Trung tá Vương văn Đông, anh em đồng hao với Hồng và Đại tá Nguyễn chánh Thi, Tư lệnh Nhảy dù bị ép buộc đưa vào nhóm sau khi âm mưu đã được trù định xong xuôi.*" Ông Hoàng Cơ Thụy đã khẳng định trong cuốn *Việt Sử Khảo Luận*, tập 11 là ông chỉ tham dự cuộc đảo chánh trong phạm vi chánh trị, và chỉ thật sự tham gia khi cuộc tấn công quân sự đã bùng nổ.

Qua tất cả những chứng minh trên thì rõ ràng là không một thế lực ngoại quốc nào đã nhúng tay vào cuộc nổi dậy của quân nhân trong vụ 11-11-60 như chánh quyền lúc đó rêu rao hoặc như một số người tin tưởng. Một cuộc nổi dậy hoàn toàn có tính chất thuần túy quốc gia và Việt Nam . Điều rất đặc biệt là dưới thời Pháp hay Mỹ, một phần lớn giới chính khách, công chức, quân nhân khi có địa vị thường hay hãnh diện khoe có được sự ủng hộ của các giới chức hoặc cơ quan Pháp hay Hoa Kỳ . Phải chăng vì họ thiếu cơ sở quản chúng hay vì đầu óc nô lệ nên phải dùng những tiểu xảo? Nhưng cũng tùy thời họ không ngần ngại chụp mũ người khác có tư tưởng chống chánh quyền vì thân Pháp, hoặc thân Mỹ hay thân Cộng mặc dù không đưa ra một bằng chứng nào cả.

Biến cố chánh trị quan trọng này xảy ra cùng thời với sự thành lập chính thức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam ngày 20-12-1960 (nhưng thực sự Mặt Trận này đã hoạt động từ 1958-1959) nên có dư luận cho rằng có cộng sản nhúng tay vào. Nhưng trong báo cáo của Đại sứ Pháp gửi cho Tổng trưởng Ngoại Giao (tài liệu kể trên) có đoạn sau: "*Theo Ông Chủ tịch Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến - Ông Menon người Ấn Độ - kể cho tôi là giới lãnh đạo Hà Nội lúc đầu rất hoan hỉ khi được tin có biến cố ở Sài Gòn. Sau đó họ tuyên bố là lập trường chống cộng của những người âm mưu đảo chánh đã lấy đi tất cả hy vọng thắng thế và biến cố đó chỉ là một trường hợp về những mâu thuẫn nội bộ miền Nam. Hà Nội coi là sự thất bại không thể nào tránh được vì Hoa Kỳ "chân trong chân ngoài" "*